

Bản án số: 61/2024/DS-PT

Ngày 09/7/2024
“V/v: Chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thúy Hằng và ông Nguyễn Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2024/TLPT-DS ngày 11/4/2024 về việc chia di sản thừa kế, do bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2024/QĐXX-PT ngày 11/6/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đình Đ, sinh năm 1947; Địa chỉ: số A phố N, phường B, TP H, tỉnh Hải Dương; **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1980; địa chỉ: Số A N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H (Đều có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Đình C, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị T, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt); Bà Lê Thị G, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; Bà Lê Thị Mai L1, sinh năm 1963; địa chỉ: P- CT9B Tô C, khu đô

thị Đ, Đ, huyện G, thành phố Hà Nội (Đều có mặt). Ông **Lê Đình L2**, sinh năm 1968; Bà **Lê Thị L3**, sinh năm 1971; Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1974 (Đều có mặt); Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1968; Đều trú tại: **thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt)**

(Bà **P** ủy quyền cho ông **C** tham gia tố tụng; Bà **G**, bà **L3**, bà **B** ủy quyền cho ông **Đ** tham gia tố tụng)

Văn phòng C1; địa chỉ: **số C T, phường T, TP ., Hải Dương**; Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đông Kim L4**, sinh năm 1949- Trưởng văn phòng (Vắng mặt).

Ông **Lê Đình B1**, sinh năm 1970 và bà **Trần Thị M**, sinh năm 1973; đều ở địa chỉ: **thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt)**

- Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1973; Địa chỉ: **Số F Đền T, phường N, TP H (Có mặt)**; Bà **Trương Thị L5**, sinh năm 1974; trú tại: **thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt)**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ ông là cụ **Lê Đình T1** và cụ **Lê Thị B2** sinh được 09 người con, đã chết 01 người từ lúc còn nhỏ, còn lại: ông **Lê Đình C**, bà **Lê Thị T**, **Lê Thị G**, **Lê Thị Mai L1**, ông **Lê Đình L2**, bà **Lê Thị L3**, bà **Lê Thị B** và ông **Đ**. Các cụ **T1**, **B2** có khối tài sản chung là diện tích đất 226,3m² tại **xã Đ, huyện T**. Nguồn gốc diện tích đất do đổi đất cho người khác từ những năm 1967, được đăng ký trong hồ sơ 299/Ttg tại sổ mục kê và bản đồ lập năm 1983, gồm thửa 617, diện tích 168m² đất ao và thửa số 618, diện tích 624m² đất T (thổ cư), tổng diện tích 792m², sau đó bố mẹ tách cho ông **Lê Đình C** một phần diện tích, diện tích còn lại đã được **UBND huyện T** cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 30/04/2004 đứng tên hai cụ. Trên đất trước đây bố mẹ có xây nhà cấp 4 lợp proxy măng, công trình phụ. Cụ **Lê Đình T1** chết ngày 13/12/2005, trước khi chết không để lại di chúc. Sau khi bố ông chết cụ **B2** vẫn sinh sống tại nhà đất đó. Quá trình chung sống vợ chồng ông **C** có xây thêm công trình phụ, đổ sân bê tông, xây một số đoạn tường bao và kè ao, xây một số bệ mái che chăn nuôi.

Cụ **B2** chết ngày 17/02/2022, trước khi chết cụ **B2** để lại di chúc lập ngày 27/3/2014 với nội dung: Phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của mẹ ông trong khối tài sản chung với bố ông và kỹ phần mà mẹ ông được hưởng của bố ông để lại cho ông được hưởng. Bản di chúc trên được làm tại **Văn phòng C2**, có điểm chỉ của mẹ ông, có người làm chứng là bà **Nguyễn Thị V**, sau khi làm di chúc, mẹ ông giao cho ông một bản, sau khi mẹ ông chết thì ông có trách nhiệm công bố di chúc. Sau khi mẹ ông chết được một thời gian, nhiều lần ông mang di chúc

ra công bố, nhưng chỉ có bà **B**, bà **G**, bà **L3** đồng ý, còn lại những người khác đều không đồng ý.

Ông **D** xác định diện tích 220,5m² đất (theo biên bản đo đạc đã lồng ghép với giấy chứng nhận và trừ đi phần móng nhà vợ chồng ông **C** xây đua ra 30cm) và ngôi nhà cấp 4 lợp proxi măng là tài sản chung của bố mẹ, đề nghị Tòa án chia đôi tài sản của cụ **T1** và cụ **B2**, do cụ **T1** chết trước không để lại di chúc nên chia phần di sản của cụ **T1** theo pháp luật cho cụ **B2** và 08 người con, công nhận di chúc của cụ **B2** là hợp pháp và đề nghị chia phần tài sản của cụ **B2** và kỹ phần của cụ **B2** được hưởng của cụ **T1** cho ông. Ông xin lấy toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và có trách nhiệm thanh toán kỹ phần của cụ **T1** cho các đồng thừa kế nếu có yêu cầu, ai cho thì ông xin sử dụng. Đối với các tài sản mà theo ông **C** trình bày do vợ chồng ông ấy làm trên thửa đất của bố mẹ thì buộc phải tháo dỡ đi, ông không đồng ý thanh toán trả giá trị cho vợ chồng ông **C**.

- Theo các lời khai của ông **C**, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà **P** phản ánh: Bố mẹ ông là cụ **Lê Đình T1** và cụ **Lê Thị B2** sinh được số người con, họ tên bố mẹ cụ **T1** và cụ **B2** như ông **Lê Đình Đ** đã trình bày là đúng, bố mẹ cụ **T1** là cụ **Lê Đình T2** và cụ **Vũ Thị R**, bố mẹ cụ **B2** là cụ **Lê Đình I** và cụ **Trương Thị S** đều đã chết từ lâu và chết trước cụ **T1** và cụ **B2**. Thửa đất số 172, diện tích 171,8m² đất ở, thửa số 173, diện tích 54,5m² đất ao đều ở tờ bản đồ số 11 **thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương** là của bố mẹ ông như ông **Đ** khai là đúng, có việc trước đây bố mẹ ông cho ông một phần diện tích đất giáp ranh với thửa đất số 172 và 173, vợ chồng ông đã xây dựng công trình, nhà ở kiên cố trên thửa đất. Đối với thửa đất số 172 và thửa 173 đến ngày 30/4/2004 được **UBND huyện T** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai cụ. Trên thửa đất của bố mẹ, hai cụ có dựng được ngôi nhà cấp 4 lợp pro xi măng, công trình phụ là nhà xí tro. Cụ **Lê Đình T1** chết ngày 13/12/2005, trước khi chết không để lại di chúc. Sau khi bố ông chết thì mẹ ông vẫn sinh sống tại nhà đất đó đến lúc cụ chết, khi còn sống cụ **B2** cũng chưa bao giờ nói là có bản di chúc để lại 1/2 thửa đất và kỹ phần của cụ **B2** được hưởng của cụ **T1** cho ông **Đ**. Cụ **Lê Thị B2** chết ngày 17/02/2022, sau khi mẹ ông chết, ông **Đ** cũng chưa bao giờ công bố di chúc của cụ **B2** cho anh em ông biết. Sau khi cụ **T1** chết, cụ **B2** vẫn là người quản lý toàn bộ nhà đất. Năm 2016, ông xây nhà mái bằng ba tầng, xây đúng mốc giới, không lấn sang đất của cụ **T1** và cụ **B2**, riêng móng nhà mới có đua ra từ chân tường 30cm. Hiện tại, toàn bộ tài sản của bố mẹ ông để lại chỉ còn là thửa đất và ngôi nhà cấp 4 lợp proxi măng. Do một số công trình phụ của bố mẹ xuống cấp, nên vợ chồng ông đã bỏ tiền xây công trình phụ phía sau nhà, một số đoạn tường bao, sân bê tông, tường kè ao, lán pro xi măng, bể nuôi cá.

Nay, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần di sản thừa kế của bố ông theo pháp luật cho hàng thừa kế gồm có mẹ ông và 08 người con, ½ thừa đất là của mẹ ông cộng với kỹ phần mà mẹ ông được hưởng của bố ông theo di chúc do ông Đ xuất trình, ông không đồng ý với di chúc và không công nhận bản di chúc của cụ Lê Thị B2 là hợp pháp vì: Di chúc của cụ B2 có sai sót về họ của cụ B2, thứ hai cụ B2 là người không biết chữ thì làm sao đọc được, và tại sao cụ để lại di chúc mà không có sự tham gia, chứng kiến của các con cụ. Tại sao làm di chúc từ năm 2014 mà đến năm 2022 mới sửa đổi đính chính tên mà lại làm trên TP H mà không phải làm ở dưới quê nhà.

Quan điểm của ông không chia di sản thừa kế là nhà đất của các cụ mà để lại làm nơi thờ cúng gia tiên đối với các cụ đã chết. Trường hợp mà phải chia di sản thì các ông đề nghị chia theo pháp luật, lấy hiện vật chia cho 4 người gồm ông, ông L2, bà T, bà L1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm các bà Lê Thị G, Lê Thị L3, Lê Thị B đều trình bày: Thống nhất về quan hệ nhân thân với cụ T1 và cụ B2, số người con hai cụ sinh được cũng như nguồn gốc thừa đất và các tài sản trên đất của bố mẹ để lại đến thời điểm hiện nay, số tài sản mà vợ chồng ông C đã xây dựng trên đất của bố mẹ và kết quả thẩm định tại chỗ như ông Đ và ông C đã trình bày. Các bà đều thống nhất xác định bố mẹ cụ T1 và cụ B2 đều đã chết từ lâu và chết trước các cụ. Ba chị em bà nhất trí với di chúc của cụ B2 và nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ: Xác định trong số tài sản bố mẹ để lại có ½ tài sản là của cụ Lê Đình T1 và ½ tài sản là của cụ Lê Thị B2. Cụ T1 chết ngày 13/12/2005, trước khi chết không để lại di chúc, vì vậy chia phần di sản của cụ T1 cho cụ B2 và 08 người con theo pháp luật, kỹ phần của cụ B2 được hưởng của cụ T1 và phần tài sản cụ B2 được hưởng trong khối tài sản chung đề nghị chia theo di chúc của cụ B2. Đối với kỹ phần mà ba chị em bà được hưởng của cụ T1 theo pháp luật. Ba chị em bà thống nhất tặng cho toàn bộ ông Đ được toàn quyền đứng tên, sử dụng và tự nguyện không yêu cầu ông Đ phải thanh toán trả giá trị cho các bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các bà Lê Thị T, Lê Thị Mai L1 và ông Lê Đình L2 trình bày: Thống nhất về quan hệ nhân thân với cụ T1 và cụ B2, số người con hai cụ sinh được cũng như nguồn gốc thừa đất và các tài sản trên đất của bố mẹ để lại đến thời điểm hiện nay, số tài sản mà vợ chồng ông C đã xây dựng trên đất của bố mẹ và kết quả thẩm định tại chỗ như ông Đ và ông C đã trình bày. Đối với di chúc của cụ Lê Thị B2 thì các ông bà không đồng ý, lý do cũng giống như ông C đã đưa ra. Quan điểm của các ông bà không chia di sản thừa kế là nhà đất của các cụ mà để lại làm nơi thờ cúng gia tiên đối với các cụ đã chết. Trường hợp mà phải chia di sản thì các ông bà đề nghị chia như quan điểm của

ông C, các ông bà xin lấy hiện vật và đối với tài sản mà vợ chồng ông C xây dựng, các ông bà có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng ông C.

- Đại diện Phòng C3 trình bày:

Trước đây, Văn phòng C2 (sau đó đổi tên Văn phòng C1) được thành lập theo luật định do bà làm Trưởng văn phòng, có chức năng chứng nhận xác thực hợp pháp của hợp đồng, giao dịch sự khác bằng văn bản trong đó có di chúc. Ngày 27/3/2014, cụ Lê Thị B2, sinh năm 1930 có đến Phòng công chứng trình bày: Cụ có chồng là Lê Đình T1, hai cụ cùng sử dụng và cùng sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 172, 173 tờ bản đồ số 11 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), cụ T1 chết năm 2005, nên cụ muốn làm bản di chúc để lại di sản của cụ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong khối tài sản chung với cụ T1 và phần di sản cụ được hưởng từ cụ T1 theo pháp luật cho con trai cụ là ông Lê Đình Đ. Sau khi kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định của pháp luật, thấy cụ B2 có tài sản, nội dung để lại di sản của cụ không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, thời điểm lập di chúc, cụ B2 minh mẫn, tinh táo, sáng suốt, không bị ai đe dọa, cưỡng ép. Vì vậy, công chứng viên đã tiến hành hướng dẫn cụ các thủ tục theo quy định Luật công chứng. Do cụ là người không biết chữ nên theo quy định của pháp luật, phải có người làm chứng, nên cụ đã tự mời bà Nguyễn Thị V đến để làm chứng; Công chứng viên đã đọc lại và giải thích toàn bộ nội dung di chúc cho cụ B2 nghe có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị V. Cụ B2 nhất trí với nội dung di chúc và đồng ý điểm chỉ. Di chúc gồm có 03 trang, được lập thành 04 bản chính, trong đó cụ B2 giữ 01 bản chính, ông Lê Đình Đ giữ 02 bản chính, lưu văn phòng công chứng 01 bản chính. Sau khi công chứng di chúc, Phòng công chứng phát hiện bản di chúc có lỗi sai sót do đánh nhầm họ của cụ B2 nên đã thông báo cho các bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng theo đúng quy định của Luật công chứng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình B1, bà Trần Thị M trình bày: Vợ chồng ông bà là hàng xóm và có thửa đất giáp với thửa đất của cụ T1, cụ B2, ranh giới giữa đất của gia đình ông và gia đình cụ T1 có đoạn tường bao bằng gạch ba banh do vợ chồng ông C xây ở đầu ao. Ở cuối đất có mẩu tường bao nổi từ mép ao nhà bà L5, ông X đến đầu bếp giữa hai nhà, thửa đất hai gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì về mốc giới, đề nghị Tòa án xác định tìm tường bao ở cuối thửa đất làm ranh giới phân định đất giữa hai nhà.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị V trình bày:

Ngày 27/3/2014, bà có chứng kiến việc cụ Lê Thị B2 có đến Phòng công chứng trình bày: Cụ có chồng là Lê Đình T1, hai cụ là đồng sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 172, 173 tờ bản đồ số 11 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương, có cụ T1 đã chết năm 2005, nên nay cụ muốn làm bản

di chúc để lại di sản của cụ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong khối tài sản chung với cụ T1 cho con trai là ông Lê Đình Đ. Tại thời điểm lập di chúc, cụ B2 minh mẫn, tỉnh táo, sáng suốt, không bị ai đe dọa, cưỡng ép. Công chứng viên đã đọc lại và giải thích toàn bộ nội dung di chúc cho cụ B2 nghe, bà cũng được nghe, chứng kiến và ký tên mục người làm chứng của bản di chúc. Cụ B2 nhất trí với nội dung di chúc và đồng ý điểm chỉ.

- *Tại biên bản xác minh, làm việc với đại diện UBND xã Đ, cán bộ địa chính xã, cán bộ tư pháp xã cung cấp:* Cụ Lê Đình T1 và cụ Lê Thị B2 là vợ chồng, hai cụ sinh được số người con như các đồng thừa kế đã kê khai, ngoài ra hai cụ không có con nuôi, không có riêng nào khác. Bố mẹ cụ T1 là cụ Lê Đình T2, chết năm 1944 và cụ Vũ Thị R, chết năm 1929; bố mẹ đẻ ra cụ B2 là cụ Lê Đình I, chết năm 1974 và cụ Trương Thị S, chết năm 1979 và đều chết trước cụ T1 và cụ B2. Do thời điểm chết đã lâu, nên không có giấy chứng tử mà chỉ còn bia mộ của gia đình. Trước đây, hai cụ có 02 thửa đất gồm thửa số 617, diện tích 168m² đất ao và thửa số 618, diện tích 624m² đất thổ cư đều ở tờ bản đồ số 7, thôn Q, xã Đ, được đăng ký trong hồ sơ 299, lập năm 1983. Quá trình sử dụng, hai cụ đã tách một phần diện tích cho con nên đến năm 2001, hai cụ chỉ còn thửa đất 172, diện tích 171,8m² và thửa số 173, diện tích 54,5m² đất ao, đến ngày 30/4/2004 được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai cụ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 15/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, đã xử:

1. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Đình T1 và Lê Thị B2 là quyền sử dụng đất 220,5m² tại các thửa số 172, 173 tờ bản đồ số 11 xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương và ngôi nhà cấp 4, diện tích 30,8m², tổng trị giá 219.191.000 đồng. Trích trả công sức cho vợ chồng ông Lê Đình C, bà Nguyễn Thị P1 9.191.000 đồng; Di sản thừa kế của cụ Lê Đình T1 và Lê Thị B2 còn lại là 210.000.000 đồng.

2. Xác nhận 01 nhà vệ sinh phía sau nhà cấp 4; Chuồng gà phía sau nhà vệ sinh; T3 kè ao (giáp ao ông X); sân bê tông 84,7m² còn lại; Lán lợp proximang; hai bể nước dưới lán proximang; chuồng chó; tường bao giáp nhà ông B1; tường kè ao giữ đất giáp chuồng chó, tường bao giáp đường ngõ xóm là tài sản của ông Lê Đình C và bà Nguyễn Thị P, trị giá = 33.479.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Đ về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Đình T1 theo pháp luật và chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị B2 theo di chúc lập ngày 27/3/2014.

3.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Đình T1 105.000.000 đồng. Chia di sản thừa kế của cụ T1 theo pháp luật cho cụ Lê Thị B2, ông Lê Đình Đ; ông Lê Đình

C; bà Lê Thị T; bà Lê Thị G; bà Lê Thị Mai L1; ông Lê Đình L2; bà Lê Thị L3; bà Lê Thị B, mỗi kỹ phần được hưởng 11.667.000 đồng (làm tròn).

3.2. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Thị B2 105.000.000 đồng và kỹ phần mà cụ được hưởng của cụ T1 là 11.667.000 đồng. Tổng cộng 116.667.000 đồng. Xác nhận di chúc của cụ Lê Thị B2 ngày 27/3/2014 là hợp pháp. Chia cho ông Lê Đình Đ được hưởng giá trị tài sản của Beng 116.667.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị G, Lê Thị L3, Lê Thị B cho ông Lê Đình Đ kỹ phần mỗi người được nhận và ông Đ được chia, tổng giá trị ông Đ được chia 163.335.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị G, Lê Thị L3, Lê Thị Bằng k yêu cầu ông Đ phải thanh toán giá trị kỹ phần được chia.

3.3. Chia hiện vật và trách nhiệm thanh toán: Giao cho ông Lê Đình Đ được quyền sử dụng diện tích đất 220,5m² tại các thửa số 172, 173, tờ bản đồ số 11 xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương và ngôi nhà cấp 4, diện tích 30,8m². Trên đất có 01 nhà cấp 4, lợp pro xi măng diện tích 30,8m²; 01 nhà vệ sinh phía sau nhà cấp 4; Chuồng gà phía sau nhà vệ sinh; T3 kè ao (giáp ao ông X); sân bê tông 84,7m² còn lại; Lán lợp proximang; hai bể nước dưới lán proximang; chuồng chó; tường bao giáp nhà ông B1; tường kè ao giữ đất giáp chuồng chó, tường bao giáp đường ngõ xóm.

Ông Lê Đình Đ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định và có quyền tự mở lối đi phù hợp vào thửa đất được giao.

Buộc ông Lê Đình Đ phải trả cho vợ chồng ông Lê Đình C, bà Nguyễn Thị P giá trị các tài sản do ông C, bà P tạo lập trên đất = 33.479.000 đồng và công sức, quản lý di sản = 9.191.000 đồng, tổng cộng = 42.670.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Lê Đình C không yêu thanh toán giá trị 01 đoạn tường bao ngăn (khoảng hơn 01m) cuối thửa đất từ mép ao ông Xuất đầu n vào công trình phụ giữa giữa đất ông Đ và vợ chồng ông B1, bà M.

Buộc ông Lê Đình Đ phải thanh toán trả giá trị kỹ phần cho ông Lê Đình C, bà Lê Thị T, ông Lê Đình L2, bà Lê Thị Mai L1, mỗi người = 11.667.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 27/01/2024, ông Lê Đình C có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét không chia di sản của các cụ T1, B2 để lại, dùng nhà đất các cụ để lại làm nơi thờ cúng chung cho cả gia đình; đề nghị xem xét lại tính pháp lý của bản di chúc do cụ B2 lập ngày 27/3/2014 là không hợp pháp vì cụ B2 khi đó đã già yếu không đủ minh mẫn để đến phòng công chứng điểm chỉ vào bản di chúc được; trường hợp phải chia di sản của các cụ T1, B2 để lại thì ông C đề nghị

nhận bằng hiện vật (quyền sử dụng đất) cùng các bà **L1**, **T** và ông **L2**, các ông bà sẽ có trách nhiệm thanh toán trả tiền chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế khác.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định về quyền nghĩa vụ quy định về việc có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Về đường lối giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của ông **Lê Đình C**, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Về án phí: Miễn án phí phúc thẩm cho ông **C**.

Ông **Lê Đình C** giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn và các bà **Lê Thị G**, **Lê Thị L3**, **Lê Thị B** nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà **L1** và ông **L2** đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nội dung kháng cáo của ông **C** theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Kháng cáo của ông **Lê Đình C** được làm trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông **Lê Đình C**:

Ông **C** kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm với nội dung: Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị không chia di sản của các cụ **T1**, **B2** để lại, dùng nhà đất các cụ để lại làm nơi thờ cúng chung cho toàn thể gia đình; đề nghị xem xét

lại tính pháp lý của bản di chúc do cụ B2 lập ngày 27/3/2014, vì bản di chúc này là không hợp pháp, cụ B2 khi đó đã già yếu không đủ minh mẫn để đến phòng công chứng điền chỉ vào bản di chúc được; trường hợp phải chia di sản của các cụ T1, B2 để lại thì ông C đề nghị nhận bằng hiện vật (quyền sử dụng đất) cùng các bà L1, T và ông L2, các ông bà sẽ có trách nhiệm thanh toán trả tiền chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế khác.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án và đã được hỏi làm rõ tại phiên tòa có căn cứ xác định:

[2.1.2] Di sản thừa kế của các cụ Lê Đình T1, Lê Thị B2 là quyền sử dụng diện tích đất 220,5m² (trong đó có 165,9m² đất ở và 54,6m² đất ao nuôi trồng thủy sản) tại các thửa số 172, 173 tờ bản đồ số 11 xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương và ngôi nhà cấp 4, diện tích 30,8m², tổng trị giá 219.191.000 đồng. Sau khi áng trích trả phần công sức cho vợ chồng ông Lê Đình C, bà Nguyễn Thị P1 = 9.191.000 đồng, di sản thừa kế của cụ T1, B2 còn lại trị giá là 210.000.000 đồng.

[2.1.3].Di sản thừa kế của cụ Lê Đình T1 được xác định trị giá= 105.000.000 đồng. Do cụ T1 chết năm 2005 không để lại di chúc nên chia di sản thừa kế của cụ T1 theo pháp luật cho cụ Lê Thị B2, ông Lê Đình Đ; ông Lê Đình C; bà Lê Thị T; bà Lê Thị G; bà Lê Thị Mai L1; ông Lê Đình L2; bà Lê Thị L3; bà Lê Thị B, mỗi kỹ phần được hưởng = 11.667.000 đồng (làm tròn).

[2.1.4].Di sản thừa kế của cụ Lê Thị B2 được xác định trị giá = 105.000.000 đồng và kỹ phần mà cụ B2 được hưởng của cụ T1 là 11.667.000 đồng. Tổng cộng =116.667.000 đồng.

[2.1.5]. Bản di chúc của cụ Lê Thị B2 lập ngày 27/3/2014 là hợp pháp vì bản di chúc này được bà Đồng Kim L4 lập theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại phòng C4; việc Cụ B2 lập di chúc thể hiện đúng ý chí nguyện vọng của mình, cụ B2 đã điền chỉ vào bản di chúc theo đúng quy định và có mặt bà Nguyễn Thị V chứng kiến, cùng ký tên vào bản di chúc này; ông C kháng cáo phản đối, không công nhận tính pháp lý của bản di chúc nhưng tại cấp phúc thẩm không xuất trình được tài liệu, căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, không chứng minh được việc cụ B2 lập di chúc trên tình trạng không minh mẫn, việc điền chỉ của cụ B2 tại bản di chúc này là không đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông C.

[2.1.6]. Việc ông C kháng cáo không nhất trí đơn khởi kiện của ông Đ, đề nghị không xem xét phân chia di sản của các cụ T1, B2 để lại, đề nghị dùng di

sản (nhà đất) của bố mẹ để lại làm nơi thờ cúng chung cho cả gia đình nhưng hiện nguyên đơn và các đồng thừa kế là các bà G, L3, B đều không chấp nhận và giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế do các cụ T1, B2 để lại theo đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông C.

[2.1.7]. Đối với việc ông C kháng cáo đề nghị HĐXX xem xét phân chia di sản của các cụ T1, B2 để lại bằng hiện vật (quyền sử dụng đất) cho các ông C, L2 và các bà L1, Thừa và thanh toán chênh lệch bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên tòa ông Đ và những người liên quan phía ông Đ không nhất trí yêu cầu kháng cáo này của ông C và các bà G, L3, B giữ nguyên quan điểm cho ông Đ phân di sản mình được hưởng. Căn cứ vào diện tích đất (di sản của các cụ T1, B2) để lại có cạnh giáp đường xóm= 6,55m, tổng diện tích là 220,5m² nếu chia đều bằng hiện vật như ý kiến đề nghị của ông C là không đảm bảo quy định mức tối thiểu cho việc tách thửa đất ở tại khu vực nông thôn tại Điều 12- Quyết định số 12/2022/QĐUB ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh H. Đồng thời thực tế ông C đã có quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 268,3 m² (đất được bố mẹ ông tặng cho) liền kề diện tích đất của hai cụ T1, B2 và ông C đã xây nhà sinh sống ổn định nhiều năm trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế, giao cho ông Đ di sản bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán trị giá di sản cho các thừa kế khác bằng tiền là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật, đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông C.

[2.1.8]. Từ những căn cứ, phân tích và nhận định trên, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ các nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm dân sự số 02/2024/DS- ST ngày 15/01/2024 của TAND huyện Tứ Kỳ là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, nhưng ông C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 02/2024/DS- ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2.Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 634, 643, 649, 650, 651, 660, 688, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 42 của Luật công chứng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

2.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Đình T1 và Lê Thị B2 là quyền sử dụng diện tích đất 220,5m² (trong đó có 165,9m² đất ở và 54,6m² đất ao nuôi trồng thủy) tại các thửa số 172, 173 tờ bản đồ số 11 xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương và ngôi nhà cấp 4, diện tích 30,8m², tổng trị giá = 219.191.000 đồng. Trích trả công sức cho vợ chồng ông Lê Đình C, bà Nguyễn Thị P1 9.191.000 đồng; Di sản thừa kế của cụ Lê Đình T1 và Lê Thị B2 còn lại là 210.000.000 đồng.

2.2. Xác nhận 01 nhà vệ sinh phía sau nhà cấp 4; Chuồng gà phía sau nhà vệ sinh; T3 kè ao (giáp ao ông X); sân bê tông 84,7m² còn lại; Lán lợp proximang; hai bể nước dưới lán proximang; chuồng chó; tường bao giáp nhà ông B1; tường kè ao giữ đất giáp chuồng chó, tường bao giáp đường ngõ xóm thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lê Đình C và bà Nguyễn Thị P trị giá = 33.479.000 đồng.

2.3.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Đ về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Đình T1 theo pháp luật và chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị B2 theo di chúc lập ngày 27/3/2014.

2.4. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Đình T1 105.000.000 đồng. Chia di sản thừa kế của cụ T1 theo pháp luật cho cụ Lê Thị B2, ông Lê Đình Đ; ông Lê Đình C; bà Lê Thị T; bà Lê Thị G; bà Lê Thị Mai L1; ông Lê Đình L2; bà Lê Thị L3; bà Lê Thị B, mỗi kỹ phần được hưởng làm tròn = 11.667.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)

2.5. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Thị B2 105.000.000 đồng và kỹ phần mà cụ được hưởng của cụ T1 là 11.667.000 đồng. Tổng cộng 116.667.000 đồng. Xác nhận di chúc của cụ Lê Thị B2 ngày 27/3/2014 là hợp pháp. Chia cho ông Lê Đình Đ được hưởng giá trị tài sản của Beng 116.667.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị G, Lê Thị L3, Lê Thị B cho ông Lê Đình Đ kỹ phần mỗi người được nhận và ông Đ được chia, tổng giá trị ông Đ được chia 163.335.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị G, Lê Thị L3, Lê Thị Bằng k yêu cầu ông Đ phải thanh toán giá trị kỹ phần được chia.

2.6. Chia hiện vật và trách nhiệm thanh toán:

Giao cho ông Lê Đình Đ được quyền sử dụng: Diện tích đất 220,5m² (trong đó có 165,9m² đất ở và 54,6m² đất ao nuôi trồng thủy sản) tại các thửa số 172,

173, tờ bản đồ số 11 xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương và ngôi nhà cấp 4, diện tích 30,8m², có tứ cận như sau: Phía Đông Bắc giáp nhà ông C có các đoạn 9,63+12,96+0,30+6,36+6,03m; cạnh Tây Nam giáp đất ông B1, có kích thước các đoạn 11,6+9,53+12,39m; cạnh T giáp ao ông X 5,86m; cạnh Đông Nam giáp đường xóm 6,55m, được giới hạn bởi các điểm A5,A6,A7,A8,A,A1,B1,B2,A3,A4 đến A5 (Theo sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất kèm theo bản án sơ thẩm). Trên diện tích đất trên ông Đ được quyền sử dụng hợp pháp: 01 nhà cấp 4, lợp pro xi măng diện tích 30,8m²; 01 nhà vệ sinh phía sau nhà cấp 4; Chuồng gà phía sau nhà vệ sinh; T3 kê ao (giáp ao ông X); sân bê tông 84,7m² còn lại; Lán lợp proximang; hai bể nước dưới lán proximang; chuồng chó; tường bao giáp nhà ông B1; tường kê ao giữ đất giáp chuồng chó, tường bao giáp đường ngõ xóm.

Ông Lê Đình Đ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với diện tích đất được giao ở trên) theo quy định của pháp luật và có quyền tự mở lối đi phù hợp vào thửa đất được giao.

Buộc ông Lê Đình Đ phải trả cho vợ chồng ông Lê Đình C, bà Nguyễn Thị P giá trị các tài sản (Gồm: 01 nhà vệ sinh phía sau nhà cấp 4; Chuồng gà phía sau nhà vệ sinh; T3 kê ao (giáp ao ông X); sân bê tông 84,7m² còn lại; Lán lợp proximang; hai bể nước dưới lán proximang; chuồng chó; tường bao giáp nhà ông B1; tường kê ao giữ đất giáp chuồng chó, tường bao giáp đường ngõ xóm) là 33.479.000 đồng và công sức, quản lý di sản 9.191.000 đồng, tổng cộng= 42.670.000 đồng (Bốn mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Lê Đình C không yêu thanh toán giá trị 01 đoạn tường bao ngắn (khoảng hơn 01m) cuối thửa đất từ mép ao ông Xuất đầu n vào công trình phụ giữa giữa đất ông Đ và vợ chồng ông B1, bà M.

Buộc ông Lê Đình Đ phải thanh toán trả giá trị kỷ phần cho ông Lê Đình C, bà Lê Thị T, ông Lê Đình L2, bà Lê Thị Mai L1, mỗi người 11.667.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.7. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Đình C.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 09/7/2024)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA DS huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho đs;
- Lưu HS; lưu toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Anh Tuyết

